

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 162 /PGDĐT

Quận 10, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Về triển khai thực hiện chuyển đổi số
theo QĐ4725/QĐ-BGDĐT và
QĐ271/QĐ-SGDĐT và App tương tác
các tính năng Trường học số.

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường Tiểu học và Trung học cơ sở.
(Công lập và ngoài công lập)

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ vào Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Kế hoạch số 593/KH-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai Chương trình “Chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh” năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành kế hoạch triển khai tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 4093/KH-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào quyết định số 1270/QĐ-SGDĐT ban hành kế hoạch triển khai tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 723/KH-SGDĐT ngày 22/02/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số Ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023;

Căn cứ công văn số 3092/SGDĐT-VP ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải pháp K12online đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và chức năng để tổ chức dạy học trên môi trường trực tuyến theo quyết định số 271/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 2 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 758/KH-SGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tổ chức thực hiện Chủ đề công tác năm 2024: “Quyết tâm thực hiện Chuyển đổi số và Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội”;

Căn cứ Biên bản ghi nhớ giữa Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo ngày 06/02/2024;

Căn cứ thực tế áp dụng kết nối, kế thừa cơ sở dữ liệu của ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh theo Đề án 06 (tài khoản người dùng mã định danh) đồng thời tạo sự đồng bộ, hiệu quả, nhất quán các nhóm nhiệm vụ giải phát trong công tác Chuyển đổi số Ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 10,

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị hiệu trưởng các trường khẩn trương triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. 100% các trường Tiểu học, Trung học cơ sở trực thuộc trên địa bàn quận liên hệ trực tiếp với đơn vị đối tác đã được ghi nhớ theo Biên bản Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 06/02/2024 để cài đặt và bàn giao tài khoản admin phần mềm Chuyển đổi số của nhà trường. Thông qua đó, Phòng Giáo dục và Đào tạo sẽ theo dõi việc triển khai thực hiện Chuyển đổi số và tiến độ thực hiện các trường của các trường trên hệ thống quản lý chung của toàn Ngành.

Thời gian

- Bắt đầu triển khai: **06/3/2024.**
- Hoàn thành: **Trước ngày 30/3/2024.**

2. Đối với việc liên kết với các đơn vị nhằm thực hiện Chuyển đổi số các trường học đã vẫn tiếp tục triển khai theo kế hoạch của nhà trường.

(Đính kèm các nội dung hỗ trợ của Viettel; phụ lục của Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT và các tính năng đáp ứng cho trường học số)

Trên đây là ý kiến chỉ đạo của phòng Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện chuyển đổi số theo QĐ4725/QĐ-BGDĐT và QĐ271/QĐ-SGDĐT và App tương tác các tính năng Trường học số./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lưu: VT.
- (/GDĐT-DT)

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG

GIÁO DỤC VÀ

ĐÀO TẠO

Nguyễn Thành Văn

CÁC NỘI DUNG HỖ TRỢ CỦA VIETTEL

1. Nội dung 1: Hỗ trợ tính năng quản trị, thống kê báo cáo chuyển đổi số trong dạy và học cấp Phòng giáo dục và Đào tạo

Hỗ trợ Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) và các đơn vị trong công tác thực hiện và báo cáo tự đánh giá chuyển đổi số trong dạy học theo Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT; Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Quyết định 271/QĐ-SGDĐT do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành phục vụ chuyển đổi số trong trường học thông qua giải pháp K12Online.

2. Nội dung 2: Hạ tầng lưu trữ kho học liệu số cấp Trường và kho học liệu số cấp Phòng.

- Hỗ trợ Phòng Giáo dục và Đào tạo trong việc tạo kho Học liệu số và lưu trữ cấp Phòng có thẩm định cấp trường, cấp phòng và đơn vị sự phạm thẩm định.

- Hỗ trợ Phòng Giáo dục và Đào tạo (cấp mầm non, tiểu học và trung học cơ sở) trong trong các cuộc thi, đặc biệt 2 Hội thi về Lịch sử, Địa lý, Giáo dục Địa Phương trên nền tảng K12online giữa các trường trong và ngoài quận với mục tiêu hội nhập (mở tài khoản cho các trường Tiểu học, trung học cơ sở trong quá trình diễn ra cuộc thi).

3. Nội dung 3: Hỗ trợ cài đặt App tương tác tính năng Trường học số (App ngành Giáo dục) về Điểm danh qua App, Bảng tin/Tin tức, Khảo sát, Kho ứng dụng, không tiền mặt.

4. Nội dung 4: Hỗ trợ xây dựng phòng họp trực tuyến và dashboard hiển thị mức độ chuyển đổi số các đơn vị giáo dục trên địa bàn Quận đặt tại Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 10.

PHỤ LỤC 1
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100			
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)				Điều kiện bắt buộc
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				Điều kiện bắt buộc
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên) - Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường	30	Tối đa 6 điểm Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 - 20 điểm Mức độ 3: trên 20 điểm	Đường link
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa	Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm Mức độ 3: trên 7 điểm	Đường link và số lượng học liệu
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20	- Tối đa 15 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		- Tối đa 5 điểm		
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm		
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm		

1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phục trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	<20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5, điểm; >60%: tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học ¹		Mức độ 1: tối đa 2 điểm;		
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		Tối đa 5 điểm		
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100			
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				Điều kiện bắt buộc
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				Điều kiện bắt buộc
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	70	Tối đa 6 điểm	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20 - 50 điểm Mức độ 3: trên 50 điểm	Đường link/ Quy chế/ văn bản hướng dẫn
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		Tối đa 6 điểm		
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm		
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		Tối đa 6 điểm		
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		Tối đa 10 điểm		
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		Tối đa 10 điểm		
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		Tối đa 6 điểm		
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		Tối đa 6 điểm		
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	30	Tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 - 18 điểm Mức độ 3: trên 18 điểm	Đường link/ Quy chế/ Văn bản
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		Tối đa 12 điểm		
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		Tối đa 10 điểm		

¹ Mức độ 1 (chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có nhiều hơn 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có nhiều hơn 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT có nhiều hơn 1 học sinh phải học chung 1 máy tính. Mức độ 2 (đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có 2 - 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT mỗi học sinh được học 1 máy tính. Mức độ 3 (đáp ứng tốt yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THCS đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THPT đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính.

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH TÍNH NĂNG ĐÁP ỨNG CHO TRƯỜNG HỌC SỐ

STT	Tiêu chí	Tên tính năng	Mô tả
1	Cơ sở vật chất số	Quản lý cơ sở vật chất	Số hóa toàn bộ thông tin của các thiết bị trường học: Mua sắm, sử dụng, bảo quản, thanh lý: 1. Quản lý tình trạng sử dụng của các thiết bị dạy học 2. Quy trình nhập, giám sát, thu hồi, cập nhật tình trạng trang thiết bị nhà trường 3. Hệ thống báo cáo quản lý cơ sở vật chất
1	Con người số	Đăng ký nghỉ học	1. PHHS/ GV/ Nhà trường tạo đăng ký nghỉ học 2. GV, Nhà trường xác nhận đăng ký nghỉ học 3. Tích hợp đăng ký nghỉ bus, bán trú ăn, CLB khi đăng ký nghỉ học
2		Điểm danh	1. Tích hợp dữ liệu điểm danh từ hệ thống QLNT (SMAS,...) 2. Đang làm giải pháp điểm danh qua thiết bị
3		Thông tin học tập	1. Tích hợp bài tập , kết quả học tập từ hệ thống K12Online 2. Đang làm giải pháp phân tích gợi ý bài tập cho học sinh theo năng lực và thông tin cho PHHS
4		Liên lạc	1. Nhà trường có thể tạo các nhóm liên lạc theo từng lớp/ Khối/ nhóm đối tượng/ cá nhân cụ thể 2. PHHS có thể trao đổi liên lạc với GV, 3. PHHS có thể gửi hỏi đáp thắc mắc 4. Nhà trường sẽ tổ chức trả lời hỏi đáp, câu hỏi thường gặp
5		Y tế học đường	1. Quản lý sức khỏe hàng ngày của học sinh tại trường 2. Quản lý hồ sơ sức khỏe của học sinh, Cán bộ: Thông tin tiêm chủng, BHYT, tình trạng bệnh, hồ sơ kết quả khám sức khỏe của từng đợt khám 3. Quản lý thuốc, thiết bị y tế học đường 4. Quản lý vệ sinh học đường: sổ kiểm thực, theo dõi vệ sinh học đường ...
6		Bán trú	1. Quản lý kế hoạch tổ chức bán trú (tổ chức bữa ăn, học phí bán trú, thời gian đăng ký bán trú, đối tượng tham gia, tổ chức lớp bán trú,...) 2. PHHS đăng ký bán trú cho học sinh; theo dõi hoạt động lớp bán trú của học sinh 3. PHHS đăng ký hủy ăn bán trú theo ngày 4. PHHS xem thực đơn ngày, tuần, tháng
7		CLB	1. Quản lý kế hoạch tổ chức CLB/ Lớp CLB (tổ chức CLB, sắp xếp lớp, ...) 2. PHHS đăng ký CLB/ hủy lớp cho học sinh có xét mức độ ưu tiên chọn lớp CLB 3. PHHS đăng ký nghỉ học CLB 4. GV phụ trách CLB có thể ghi nhận đánh giá, giao bài tập, chấm điểm cho các bài tập tại các lớp CLB 5. PHHS có thể xem toàn bộ thông tin lớp CLB của con tham gia: Danh sách lớp, thông tin hoạt động, bài tập, kết quả, đánh giá nhận xét của GV
8		Bus học đường	1. Quản lý kế hoạch tổ chức Bus học đường (quản lý xe, cô giám sát xe, tuyến đường, phí dịch vụ ,...) 2. PHHS đăng ký Bus/ hủy đăng ký bus cho học sinh 3. PHHS đăng ký bus theo ngày 4. GV phụ trách xe sẽ heo dõi cập nhật tình trạng đưa đón học sinh(đón, trả, ko liên lạc dc, gặp sự cố...) 5. GV phụ trách xe và PHHS có thể trao đổi liên lạc qua app 6. PHHS có thể xem toàn bộ tình trạng đưa đón trả học sinh
9		Quản lý tài khoản online học sinh	1. Nhà trường quản lý thông tin các loại tài khoản online cấp cho học sinh (ví dụ: tk vioedu, ioe, teams, k12,...)

			2. PHHS có thể xem thông tin các loại tài khoản online của học sinh và có thể truy cập vào link tài khoản
1	Nội dung số	Thông tin học tập	1. PHHS xem các thông tin học tập của học sinh: TKB, báo bài, kết quả học tập năm học hiện tại, kết quả quá trình học tập, vi phạm, khen thưởng kỉ luật, thông tin học sinh, Thi cử,... 2. PHHS có thể xem nội dung bài tập về nhà. 3. Giáo viên có công cụ gửi bài tập về nhà theo nhóm học sinh, lớp, khối
2		Khảo sát	1. Nhà trường có thể tạo các chiến dịch nội dung khảo sát khác nhau với các mục đích khác nhau 2. PHHS, GV, Nhà trường có thực hiện khảo sát trên web/ app 3. Nhà trường có thể xuất các báo cáo thống kê khảo sát
3		Bảng tin/ Tin tức	1. Có trang cho Phòng /Sở cập nhật thông tin , bảng tin tin tức cho nhà trường, phòng , sở 2. Nhà trường/ PHHS sẽ xem được các thông tin , tin tức từ Phòng/ Sở/ Nhà trường post 3. Nhà trường/ GV có thể post và bảng tin và tin tức liên quan tới các hoạt động hàng ngày của các con tại trường để PHHS có thể nắm được tình hình của con realtime
4		Sự kiện	1. Phòng/ Sở có thể tạo các sự kiện. Nhà trường và PHHS có thể xem dc các thông tin sự kiện do Phòng/ Sở tạo 2. Nhà trường có thể tạo các sự kiện của nhà trường và PHHS cũng có thể xem được các thông tin sự kiện do Phòng Sở tạo
5		Website liên kết	1. Nhà trường có thể cấu hình các website liên kết cho hệ thống nhà trường 2. PHHS có thể truy cập vào các website liên kết trên app
6		Kho ứng dụng	PHHS có thể vào kho ứng dụng để vào các ứng dụng trong hệ sinh thái giáo dục
7		Hồ sơ học bạ	PHHS có thể xem thông tin học bạ của học sinh
8		Thanh toán không tiền mặt	1. Nhà trường quản lý các khoản thu của học sinh 2. PHHS thực hiện thanh toán các khoản thu qua Chuyển khoản QR code 3. Nhà trường thực hiện đối soát tự động/ thủ công danh sách phiếu thu
9		Khung dinh dưỡng	1. Nhà trường quản lý danh sách thực phẩm, xây dựng khung dinh dưỡng và thiết lập thực đơn đáp ứng đúng khung dinh dưỡng của BHYT 2. Từ khung dinh dưỡng, có thể tính dc số tiền 1 suất ăn để giúp cho nhà trường lên phí bán trú phù hợp 3. Xây dựng các báo cáo theo khung dinh dưỡng
10		Cổng tuyển sinh	Hỏi đáp, nhận tin tuyển sinh (đang tích hợp với TSDC)

